

THÔNG BÁO
Tuyển dụng viên chức năm 2019

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức lao động hợp đồng tỉnh Hòa Bình;

Thực hiện Công văn số 980/UBND-NC ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc triển khai thực hiện Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Công văn số 2256/SNV-CCVC ngày 22/8/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc gửi chỉ tiêu tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại Hội đồng tuyển dụng viên chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình năm 2019; Công văn số 2442/SNV-CCVC ngày 11/9/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2019;

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2019 để bổ sung cho các đơn vị trực thuộc Sở như sau:

I. CHỈ TIÊU CHUYÊN NGÀNH

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng 53 chỉ tiêu, trong đó:

- 50 chỉ tiêu tuyển dụng bổ sung viên chức cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- 1 chỉ tiêu tuyển dụng bổ sung viên chức cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Kim Bôi (gửi chỉ tiêu);

- 2 chỉ tiêu tuyển dụng bổ sung viên chức cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lương Sơn (gửi chỉ tiêu).

Số chỉ tiêu theo từng vị trí việc làm tại các đơn vị, yêu cầu về trình độ, chuyên ngành đào tạo có biểu mẫu chi tiết kèm theo.

II. NGUYÊN TẮC, PHẠM VI, HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

1. Nguyên tắc

- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

- Mỗi người chỉ được đăng ký dự tuyển vào 1 vị trí việc làm.

- Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho kỳ tuyển dụng lần sau.

- Không tiếp nhận các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

2. Phạm vi: Việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên để bổ sung kịp thời đội ngũ giáo viên, nhân viên cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; bổ sung giáo viên cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Kim Bôi và huyện Lương Sơn.

3. Hình thức

Việc tuyển dụng được thực hiện bằng hình thức thi tuyển, gồm 02 vòng thi, cụ thể như sau:

a) Vòng 1: Thi trắc nghiệm trên giấy, gồm 3 phần:

Phần I. Thi môn Kiến thức chung: Gồm 60 câu hỏi về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

Phần II. Thi môn Ngoại ngữ: Gồm 30 câu hỏi Tiếng Anh. Thời gian thi 30 phút.

Phần III: Thi môn Tin học: Gồm 30 câu hỏi. Thời gian thi 30 phút.

- Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

+ Người dự tuyển làm viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Miễn phần thi Tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên.

- Người dự tuyển trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi ở vòng 1 thì được thi tiếp vòng 2.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Hình thức thi: Thi viết.
- Thang điểm: 100 điểm.
- Thời gian thi: 180 phút.

(Có danh mục tài liệu ôn thi cho từng vị trí việc làm kèm theo Thông báo này)

4. Đối tượng dự tuyển

Người có trình độ chuyên môn được đào tạo đúng với các yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển dụng.

5. Điều kiện

a) Điều kiện chung: Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự xét tuyển viên chức:

- Có phẩm chất, đạo đức tốt. Không mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam, có nguyện vọng công tác lâu dài tại tỉnh Hoà Bình từ 5 năm trở lên;

- Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Có phiếu đăng ký dự tuyển.

- Có bản cam kết công tác tại tỉnh Hòa bình từ 5 năm trở lên.

- Có lý lịch rõ ràng;

- Có đủ văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng, chức danh nghề nghiệp viên chức cần tuyển;

- Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký một nguyện vọng xét tuyển.

Đối với người tốt nghiệp các trường, khoa ngoài ngành Sư phạm có chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành cần tuyển dụng vị trí việc làm là giáo viên các đơn vị trường học, phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm (bản sao có công chứng).

b) Điều kiện về trình độ ngoại ngữ, tin học đối với người dự tuyển

* Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Đối với các chứng chỉ Chương trình ngoại ngữ thực hành A, B, C ban hành theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và A1, A2, B1, B2, C1, C2 ban hành theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước đây được tạm thời quy đổi theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (khung 6 bậc) như sau:

- + Trình độ A theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ A1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 1 của Khung 6 bậc;

- + Trình độ B theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ A2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 2 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ C theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ B1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 3 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ B2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 4 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ C1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 5 của Khung 6 bậc;

+ Trình độ C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 6 của Khung 6 bậc;

- Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ A2, B1, B2, C1, C2 theo bảng quy chuẩn trình độ tại mục 4 Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.

*** Tin học**

Có trình độ tin học tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin).

Lưu ý: Thí sinh đăng ký dự tuyển phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chuyên môn và các chứng chỉ khác theo quy định của vị trí đăng ký dự tuyển.

6. Ưu tiên trong tuyển dụng

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2 (người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 7,5 điểm thì ghi trong phiếu dự tuyển là: Diện ưu tiên 1);

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5,0 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2 (người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 5,0 điểm thì ghi trong phiếu dự tuyển là Diện ưu tiên 2);

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2 (người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 2,5 điểm thì ghi trong phiếu dự tuyển là Diện ưu tiên 3).

d) Trường hợp người dự thi tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại mục a, b, c nêu trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

e) Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

7. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, HỒ SƠ SAU KHI TRÚNG TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển (mẫu Phụ lục ban hành theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ) vào một vị trí việc làm tại một đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng (*nếu đăng ký dự tuyển từ 2 vị trí trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách dự thi*), người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong Phiếu.

Ngoài Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định (nêu trên), người đăng ký dự tuyển phải bổ sung một số giấy tờ sau:

- Bản cam kết công tác tại đơn vị, trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình từ 5 năm trở lên (*không kể thời gian tập sự*);
- Bản sao Bằng tốt nghiệp chuyên ngành theo đúng vị trí đăng ký dự tuyển;
- Bản sao Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên được cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên);
- Bản sao Giấy khai sinh bản chính nếu thí sinh là người dân tộc thiểu số;
- Hai ảnh 4x6, kiểu ảnh chứng minh nhân dân, thời gian chụp không quá 6 tháng, ghi đủ họ tên và ngày, tháng, năm sinh phía sau ảnh;
- 03 phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ của người nhận;

2. Hồ sơ sau khi trúng tuyển

Sau khi có thông báo kết quả thi tuyển, người trúng tuyển phải đến Hội đồng tuyển dụng viên chức để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên (nếu có) theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng; hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ tuyển dụng theo quy định. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

Hồ sơ gồm có:

- Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (theo mẫu quy định);
- Bản sao giấy khai sinh;
- Bản chính các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang Tiếng Việt.
- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp huyện, thành phố trở lên cấp và còn giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM LÀM VIỆC VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

1. Thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và nhận hồ sơ: Từ ngày 19/9/2019 đến hết ngày 22/10/2019, trong ngày làm việc.

2. Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và nhận hồ sơ: Phòng tiếp dân, cạnh Phòng Văn thư Sở Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ: Số 35, đường Lý Nam Đế, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3. Các thông tin liên quan đến kỳ tuyển dụng năm 2019 sẽ được Hội đồng tuyển dụng viên chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thông tin tại Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo và trên Website của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố thông báo cho cán bộ, giáo viên, sinh viên và những người có nhu cầu biết nội dung trên. /.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Hòa Bình;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các Phòng GD&ĐT;
- Website Sở GD&ĐT
- Các thành viên HĐTD;
- Lưu: VT, TCCB (45b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Thị Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐỀ NGHỊ XÉT TUYỂN DỰNG, YÊU CẦU TRÌNH ĐỘ, CHUYÊN NGHIỆP NGÀNH
(Kèm theo Thông báo số 3084 /SGDDT-TCCB ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình)

TT	Tên trường	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ	Chuyên ngành
Khối Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở; Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông					
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Trung học phổ thông huyện Lương Sơn	Giáo viên Toán	1	Đại học trở lên	Sư phạm Toán học
2	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở B huyện Đà Bắc	Giáo viên Toán	1	Đại học trở lên	Sư phạm Toán học
		Giáo viên Sinh học	1	Đại học trở lên	Sư phạm Sinh học
3	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Cao Phong	Nhân viên văn thư, kiêm thủ quỹ	1	Trung cấp trở lên	Hành chính; Hành chính - Văn thư; Kế toán
		Kỹ thuật viên Công nghệ thông tin	1	Đại học trở lên	Tin học, Công nghệ thông tin
4	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Mai Châu	Giáo viên Âm nhạc	1	Đại học trở lên	Sư phạm Âm nhạc
		Nhân viên Giáo vụ	1	Đại học trở lên	Sư phạm
5	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông B huyện Mai Châu	Giáo viên Giáo dục thể chất	1	Đại học trở lên	Sư phạm Thể dục; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng An ninh

✓

TT	Tên trường	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ	Chuyên ngành
6	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Trung học phổ thông huyện Lạc Sơn	Giáo viên Sinh học	1	Đại học trở lên	Sư phạm Sinh học
7	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Trung học phổ thông Ngọc Sơn	Nhân viên Thư viện	1	Trung cấp trở lên	Thư viện; Thông tin thư viện; Khoa học thư viện
8	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Trung học phổ thông huyện Lạc Thủy	Nhân viên văn thư, kiêm thủ quỹ	1	Trung cấp trở lên	Hành chính; Hành chính - Văn thư; Kế toán
9	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Trung học phổ thông huyện Kim Bôi	Nhân viên văn thư, kiêm thủ quỹ	1	Trung cấp trở lên	Hành chính; Hành chính - Văn thư; Kế toán
Tổng số			12	Chỉ tiêu	
Khối các trường Trung học phổ thông					
1	Trường Trung học phổ thông Nam Lương Sơn	Giáo viên Hóa học	1	Đại học trở lên	Sư phạm Hóa học
2	Trường Trung học phổ thông Cù Chính Lan	Giáo viên Tiếng Anh	1	Đại học trở lên	Sư phạm Tiếng Anh
3	Trường Trung học phổ thông Đà Bắc	Giáo viên Giáo dục thể chất	1	Đại học trở lên	Sư phạm Thể dục; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng An ninh



TT	Tên trường	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ	Chuyên ngành
4	Trường Trung học phổ thông Mường Chiềng	Giáo viên Toán	1	Đại học trở lên	Sư phạm Toán học
		Giáo viên Ngữ văn	1	Đại học trở lên	Sư phạm Ngữ văn
		Giáo viên Tiếng Anh	1	Đại học trở lên	Sư phạm Tiếng Anh
		Nhân viên Kế toán	1	Trung cấp trở lên	Kế toán; Tài chính - Kế toán
5	Trường Trung học phổ thông Yên Hòa	Giáo viên Toán	1	Đại học trở lên	Sư phạm Toán học
		Giáo viên Hóa học	1	Đại học trở lên	Sư phạm Hóa học
		Giáo viên Ngữ văn	1	Đại học trở lên	Sư phạm Ngữ văn
		Giáo viên Giáo dục Công dân	1	Đại học trở lên	Sư phạm: Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị
6	Trường Trung học phổ thông Cao Phong	Giáo viên Giáo dục thể chất	1	Đại học trở lên	Sư phạm Thể dục; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng An ninh
		Giáo viên Công nghệ	1	Đại học trở lên	Sư phạm: Kỹ thuật Công nghiệp; Công nghệ
7	Trường Trung học phổ thông Thạch Yên	Nhân viên văn thư, kiêm thủ quỹ	1	Trung cấp trở lên	Hành chính; Hành chính - Văn thư; Kế toán



TT	Tên trường	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ	Chuyên ngành
8	Trường Trung học phổ thông Tân Lạc	Giáo viên Giáo dục Công dân	1	Đại học trở lên	Sư phạm: Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị
9	Trường Trung học phổ thông Mường Bi	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	1	Đại học trở lên	Công nghệ thiết bị trường học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học
10	Trường Trung học phổ thông Lũng Vân	Giáo viên Lịch sử	1	Đại học trở lên	Sư phạm Lịch sử
		Nhân viên Thư viện	1	Trung cấp trở lên	Thư viện; Thông tin thư viện; Khoa học thư viện
11	Trường Trung học phổ thông Mai Châu	Giáo viên Vật lý	1	Đại học trở lên	Sư phạm Vật lý
12	Trường Trung học phổ thông Mai Châu B	Giáo viên Giáo dục thể chất	1	Đại học trở lên	Sư phạm Thể dục; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng An ninh
		Giáo viên Tin học	1	Đại học trở lên	Sư phạm Tin học
13	Trường Trung học phổ thông Lạc Sơn	Giáo viên Toán	1	Đại học trở lên	Sư phạm Toán học
		Giáo viên Vật lý	1	Đại học trở lên	Sư phạm Vật lý
		Giáo viên Tin học	1	Đại học trở lên	Sư phạm Tin học



TT	Tên trường	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ	Chuyên ngành
14	Trường Trung học phổ thông Quyết Thắng	Giáo viên Tiếng Anh	1	Đại học trở lên	Sư phạm Tiếng Anh
		Giáo viên Giáo dục thể chất	1	Đại học trở lên	Sư phạm Thể dục; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng An ninh
15	Trường Trung học phổ thông Cộng Hòa	Giáo viên Ngữ văn	1	Đại học trở lên	Sư phạm Ngữ văn
		Giáo viên Tiếng Anh	1	Đại học trở lên	Sư phạm Tiếng Anh
16	Trường Trung học phổ thông Kim Bôi	Giáo viên Giáo dục thể chất	1	Đại học trở lên	Sư phạm Thể dục; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng An ninh
17	Trường Trung học phổ thông 19/5 Kim Bôi	Giáo viên Ngữ văn	1	Đại học trở lên	Sư phạm Ngữ văn
		Nhân viên văn thư, kiêm thủ quỹ	1	Trung cấp trở lên	Hành chính; Hành chính - Văn thư; Kế toán
18	Trường Trung học phổ thông Sào Báy	Giáo viên Tiếng Anh	1	Đại học trở lên	Sư phạm Tiếng Anh
19	Trường Trung học phổ thông chuyên Hoàng Văn Thụ	Nhân viên Văn thư	1	Trung cấp trở lên	Văn thư; Hành chính văn thư; Hành chính
20	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông tỉnh	Kỹ thuật viên tin học	1	Đại học trở lên	Tin học, Công nghệ thông tin
Tổng số			34		

TT	Tên trường	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ	Chuyên ngành
Khối các trung tâm và Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình					
1	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp - Ngoại ngữ, tin học	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp	1	Đại học trở lên	Sư phạm: Nông lâm; Nông nghiệp; Lâm nghiệp
		Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp	1	Cao đẳng trở lên	Nấu ăn
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Kim Bôi	Giáo viên Vật lý	1	Đại học trở lên	Sư phạm Vật lý
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lương Sơn	Giáo viên Ngữ văn	1	Đại học trở lên	Sư phạm Ngữ văn
		Giáo viên Vật lý	1	Đại học trở lên	Sư phạm Vật lý
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	Giảng viên Giáo dục Mầm non	2	Đại học trở lên	Sư phạm Mầm non
Tổng số			7	Chỉ tiêu	



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI ĐƠN VỊ, TRƯỜNG HỌC
TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 2087 /TB-SGD&ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2019
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình)

NỘI DUNG ÔN TẬP KIẾN THỨC CHUNG

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;
- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức;
- Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;
- Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg, ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước.

NỘI DUNG ÔN TẬP KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

1. Vị trí việc làm: Giáo viên Trường Trung học phổ thông và Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT; Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và nhân viên Giáo vụ:

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006;
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Ban hành quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở công lập;
- Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Ban hành quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học phổ thông công lập;
- Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông dân tộc nội trú;
- Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

2. Vị trí việc làm: Giảng viên

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006;
- Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15/01/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường cao đẳng;
- Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

3. Vị trí việc làm: Giáo viên giáo dục nghề nghiệp

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;



- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006;

- Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp;

- Thông tư 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

- Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

4. Vị trí việc làm: Kỹ thuật viên Công nghệ thông tin

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006;

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 năm 2006;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Nhà nước.

5. Vị trí việc làm: Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006;

- Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở;

- Thông tư số 01/2010/TT-BGDĐT ngày 18/01/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông;

6. Vị trí việc làm: Kế toán

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006;

- Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật kế toán;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

7. Vị trí việc làm: Nhân viên Văn thư - kiêm thủ quỹ

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006;

- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu;

- Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 sửa đổi một số điều của Nghị định 110/2004/NĐ-CP;

- Thông tư số 33/2015/TT-BCA ngày 20/7/2015 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ Bí mật nhà nước;

- Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;

- Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ quy định quản lý văn bản đi, văn bản đến, lập hồ sơ và nộp hồ sơ vào lưu trữ;

- Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục;

- Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

8. Vị trí việc làm: Nhân viên thư viện

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009 về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006;

- Pháp lệnh Thư viện năm 2000 ban hành ngày 28/12/2000;

- Nghị định 72/2002/NĐ-CP ngày 06/8/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thư viện;
- Quyết định số 61/1998/QĐ-BGD&ĐT ngày 06/11/1998 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động thư viện trường phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông; Quyết định số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/01/2004 sửa đổi Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT.
- Công văn 11185/GDTH ngày 17/12/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông;

NỘI DUNG ÔN THI MÔN TIN HỌC, NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH).

1. Môn Tin học:

Hiểu biết về Hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng Microsoft Office, sử dụng internet đạt chuẩn kỹ năng cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Môn Tiếng Anh

Các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ theo yêu cầu từng vị trí việc làm (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

